

Bản án số: 54/2019/HSST

Ngày: 15/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Quý

2. Bà Võ Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Trường G, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1988, tại Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố Thành Bắc, phường X, thành phố Y, tỉnh H; chỗ ở hiện nay: Số 22/2A/8 Đường 61, phường X, Quận Y, Thành phố H; nghề nghiệp: Môi giới bất động sản; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Trọng N và bà Trần Thị A; chưa có vợ; có 01 con sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 31/12/2018 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

Người bị hại: Bà Huỳnh Trúc N, sinh năm: 1993

Nơi cư trú: Số 145/61 Nguyễn Trãi, phường X, Quận Y, Thành phố H. (vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị A, sinh năm: 1968

Nơi cư trú: Phố Thành Bắc, phường X, thành phố Y, tỉnh H. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trường G và Huỳnh Trúc N có quan hệ tình cảm cùng chung sống tại nhà số 22/2A/8 Đường 61, phường X, Quận Y, Thành phố H. Đến tháng 9/2018, N chia tay G và chuyển về sống tại Phòng 601, lầu 6, chung cư số 145/61 đường Nguyễn Trãi, phường X, Quận Y, Thành phố H. Khoảng 00 giờ 45 phút ngày 31/12/2018, G điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH Mode biển số 36B5-00958 đến nhà bà N để nói chuyện, G muốn vào nhà nhưng bà N không cho vào, G lấy chậu hoa, cây chổi để ở ngoài ném vào nhà bà N qua khe cửa sổ và giữa hai bên cãi vã nhau. Sau đó, G lấy 02 cục bê tông hình trụ đường kính 10 cm, cao 12 cm đập và dùng chân đạp làm hư hỏng cửa gỗ bên ngoài, cửa kính bên trong nhà bà N rồi dùng tay mở khóa cửa đi vào nhà. Lúc này có ông Hoàng Hán T, ông Phùng Quốc P cư trú tại chung cư chứng kiến sự việc, đến can ngăn nhưng G vẫn đập cửa vào. Khi gặp bà N, G cầm cục bê tông ở tay phải lên đe dọa bà N, ông T và ông P tiếp tục can ngăn đưa bà N ra khỏi phòng ngủ. Lúc này trong phòng chỉ có G, G lấy chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus và một túi xách của bà N bên trong có 700.000 đồng và giấy tờ tùy thân của bà N rồi lên xe bỏ đi. Lúc này ông T truy hô cùng lực lượng Cảnh sát điều tra Tội phạm về Trật tự xã hội Công an Quận 1 tuần tra bắt giữ G cùng vật chứng và đưa về Công an phường Bến Thành, Quận 1 lập biên bản xử lý.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Trường G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Theo bản kết luận số: 06/KL-HĐĐGTS ngày 05/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân Quận 1, kết luận: 01 cánh cửa gỗ dầu và 01 tấm kính trắng trị giá 2.248.333 đồng; 01 chiếc túi xách da và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus trị giá 9.433.333 đồng.

Bản cáo trạng số: 49/CT-VKSQ1 ngày 05/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Nguyễn Trường G về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 178 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 178 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và chưa có tiền án, tiền sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 178; khoản 1 Điều 173;

điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

- 04 miếng gỗ và 01 số mảnh kính bị bể, bà N yêu cầu bị cáo G bồi thường chi phí sửa chữa là 4.800.000 đồng, đại diện gia đình bị cáo G đã trả bồi thường số tiền trên cho bà N và không có yêu cầu nào nên không xét.

- 01 túi xách da màu đen bên trong có 700.000 đồng và giấy tờ tùy thân mang tên Huỳnh Trúc N, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus đã trả lại cho bị hại bà N và không có yêu cầu nào nên không xét.

- 01 xe mô tô hiệu Honda SH Mode biển số 36B5-00958, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 36B5-00958 mang tên Trần Thị A, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã trả lại xe cho bà A nên không xét.

- 04 miếng gỗ và 01 số mảnh kính bị bể, 02 cục bê tông hình trụ cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, 01 ví da bên trong có giấy căn cước công dân mang tên Nguyễn Trường G nên trả lại cho bị cáo G, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trường G đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, bản tường trình, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận định giá,... nên có căn cứ để kết luận, bị cáo Nguyễn Trường G đã có hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản và lợi dụng sự không để ý của bà N lén lút chiếm đoạt tài sản của bà N. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Trường G đã phạm vào tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 178 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất tình hình trật tự trị an tại địa phương, trị giá tài sản bị cáo làm hư hỏng có giá trị là 2.248.333 đồng và trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại bà N là 10.133.333 đồng. Vì vậy, cần phải có mức án nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo thành người lương thiện có ích cho xã hội, đồng thời để răn đe kẻ khác góp phần phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 178 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm” và tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự, vật chứng của vụ án:

- Đối với 04 miếng gỗ và 01 số mảnh kính bị bể, bà N yêu cầu bị cáo G bồi thường chi phí sửa chữa là 4.800.000 đồng và đại diện gia đình bị cáo G đã trả bồi thường số tiền trên cho bà N và không có yêu cầu nào nên không xét.

- Đối với 01 túi xách da màu đen bên trong có 700.000 đồng và giấy tờ tùy thân mang tên Huỳnh Trúc N, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus đã trả lại cho bị hại bà N và không có yêu cầu nào nên không xét.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda SH Mode biển số 36B5-00958 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 36B5-00958 mang tên Trần Thị A thu giữ của bị cáo G. Qua xác

minh xe do bà Trần Thị A là mẹ của bị cáo G đứng tên chủ sở hữu, bà A khai tháng 10/2018 bà cho bị cáo G mượn xe vào Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng, bà không biết bị cáo G sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã trả lại xe cho bà A nên không xét.

- Đối với 04 miếng gỗ và 01 số mảnh kính bị bể, 02 cục bê tông hình trụ là vật chứng của vụ án cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, 01 ví da bên trong có giấy căn cước công dân mang tên Nguyễn Trường G thu giữ của bị cáo G, xét không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo G, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên án về tội cố ý làm hư hỏng tài sản và tội trộm cắp tài sản: Tuyên bố Nguyễn Trường G phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 178; khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Nguyễn Trường G 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Trường G phải chấp hành chung là: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/12/2018.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Tịch thu tiêu hủy 04 (bốn) miếng gỗ và 01 (một) số mảnh kính bị bể, 02 (hai) cục bê tông hình trụ.

Trả lại bị cáo Nguyễn Trường G 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu đen số Imei 1: 357931/09/309948/4; số Imei 2: 357932/09/309948/2; 01 (một) ví da; 01 (một) giấy căn cước công dân mang tên Nguyễn Trường G nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

(Theo Phiếu nhập kho đồ vật, tài liệu số: 34/19-PNK ngày 22/01/2019 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Nguyễn Trường G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự; trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận 1, TP. HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP. HCM;
- Công an Quận 1, TP. HCM;
- Phòng PC 53;
- Sở Tư pháp TP. HCM
- Bị cáo;
- Người bị hại,
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Tuân